

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
MCO VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 03 năm 2013	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý II năm 2013	6-7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý II năm 2013	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp quý II năm 2013	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		241,931,293,161	241,002,145,124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9,068,612,198	2,352,454,907
1. Tiền	111		9,068,612,198	2,352,454,907
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82,453,719,417	98,443,976,036
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	47,313,343,104	63,154,537,369
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	33,402,938,040	33,870,520,463
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,581,485,380	3,262,965,311
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1,844,047,107)	(1,844,047,107)
IV. Hàng tồn kho	140		146,944,606,903	137,032,688,162
1. Hàng tồn kho	141	V.6	146,944,606,903	137,032,688,162
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,464,354,643	3,173,026,019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	24,284,667	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		280,217,047	470,878,540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,159,852,929	2,702,147,479

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31,778,567,704	38,821,721,246
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21,787,923,313	26,431,076,855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17,209,123,313	21,852,276,855
<i>Nguyên giá</i>	222		120,138,322,505	123,606,291,576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(102,929,199,192)	(101,754,014,721)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Nguyên giá</i>	228		4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,975,644,391	12,375,644,391
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	6,665,644,391	9,065,644,391
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	3,310,000,000	3,310,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,000,000	15,000,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	15,000,000	15,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273,709,860,865	279,823,866,370

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		222,330,937,702	228,519,832,115
I. Nợ ngắn hạn	310		218,730,937,702	224,919,832,115
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	75,782,441,931	87,969,460,890
2. Phải trả người bán	312	V.15	61,334,054,141	61,121,953,499
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	35,893,565,544	26,905,346,032
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	19,651,920,032	19,474,314,061
5. Phải trả người lao động	315		632,527,508	3,918,080,612
6. Chi phí phải trả	316	V.18	9,386,301,071	9,386,301,071
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	15,990,560,589	16,084,809,064
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		59,566,886	59,566,886
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,600,000,000	3,600,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3,600,000,000	3,600,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51,378,923,163	51,304,034,255
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	51,378,923,163	51,304,034,255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41,039,290,000	41,039,290,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149,852,000	149,852,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,761,987,245	2,761,987,245
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		581,097,141	581,097,141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6,846,696,777	6,771,807,869
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273,709,860,865	279,823,866,370

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Nam

Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10,807,491,020	12,503,812,297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	10,807,491,020	12,503,812,297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7,481,448,077	14,781,681,049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,326,042,943	(2,277,868,752)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,637,455	2,686,633
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,306,220,261	2,115,228,687
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,306,220,261	2,115,228,045
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1,483,542,116	1,876,167,721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(462,081,979)	(6,266,578,527)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	235,522,727	12,272,727,873
12. Chi phí khác	32	VI.7	67,187,658	5,477,248,603
13. Lợi nhuận khác	40		168,335,069	6,795,479,270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(293,746,910)	528,900,743
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	23,648,146	132,224,936
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(317,395,056)</u>	<u>396,675,807</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(77)</u>	<u>-</u>

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Nam

Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1000.VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10,807,491	12,503,811	19,287,773	37,153,533
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10,807,491	12,503,811	19,287,773	37,153,533
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7,481,448	14,781,681	14,162,710	34,471,694
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,326,043	(2,277,869)	5,125,063	2,681,839
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,637	2,686	2,176	9,493
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	2,306,220	2,115,228	3,498,238	6,333,821
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,306,220	2,115,228	13,120,770	5,900,369
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1,483,542	1,876,167	2,199,532	2,531,123
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(462,082)	(6,266,578)	(570,531)	(6,173,612)
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	235,523	12,272,727	738,607	12,969,091
12.	Chi phí khác	32	VI.7	67,188	5,477,249	93,188	6,225,816
13.	Lợi nhuận khác	40		168,335	6,795,478	645,420	6,743,275
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(293,747)	528,901	74,889	569,664
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		23,648	132,225	115,807	142,416
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(317,395)	396,675	(40,918)	427,248
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Lập ngày 15 tháng 7 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Nam

Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98,537,054	(37,696,314)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,561,154,180	(6,928,272,042)
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(170,986,524)	(216,257,346)
- Chi phí lãi vay	06		2,306,220,261	5,900,369,045
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,794,924,971	(1,281,856,657)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15,723,212,662	35,502,621,662
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9,910,490,232)	(29,807,344,206)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,974,476,383	(5,895,114,116)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	82,950,348
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,306,220,261)	(5,900,369,045)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16,275,903,523	(7,299,112,014)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	20,084,939,697
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227,272,727	665,858,186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(100,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2,500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,627,272,727	20,750,797,883

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12,958,829,956	106,156,159,997
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25,145,848,915)	(119,292,521,059)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12,187,018,959)	(13,136,361,062)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,716,157,291	315,324,807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,352,454,907	3,401,496,301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9,068,612,198	3,716,821,108

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Nam

Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và các lĩnh vực khác
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, bến cảng, san lấp mặt bằng);
 - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
 - Nạo vét, đào đắp công trình;
 - Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, giao thông vận tải;
 - Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
 - Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
 - Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
 - Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
 - Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
 - Thiết kế đường bộ;
 - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty có 2 Chi nhánh (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp số 2 và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội)) hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) mà không tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp số 2 do Công ty chưa cấp vốn hoạt động cho Chi nhánh này theo Điều lệ hoạt động của Chi nhánh.

Doanh thu và số dư giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ không thể thu hồi được.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho cuối được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} \\ \text{dở dang cuối năm} & & \text{dở dang cuối} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} \\ & & \text{năm} & & & & & & \end{array}$$

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

Theo thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. **Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.021.911.858	2.307.587.943
Tiền gửi ngân hàng	46.700.340	44.866.964
Cộng	9.068.612.198	2.352.454.907

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	44.220.872.564	60.294.537.369
Phải thu khách hàng hoạt động khác	3.092.470.540	2.860.000.000
Cộng	47.313.343.104	63.154.537.369

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	8.476.404.275	4.469.717.958
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	2.494.593.858	5.204.804.481
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp tư nhân	694.086.817	373.557.517
Nhóm đối tượng khác	21.737.853.090	23.822.440.507
Cộng	33.402.938.040	33.870.520.463

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	386.041.579	386.041.579
Công ty Cổ phần MCO Phát triển Hạ tầng	130.176.000	130.176.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và thể thao MCO Quảng Nam	152.463.000	152.463.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	857.719.000	857.719.000
Phải thu dự án Thủy điện Xoòng con	15.000.000	15.000.000
Thuế GTGT đầu vào của các công trình chưa có hóa đơn	1.343.547.114	941.725.465
Bà Vũ Hồng Trang	-	38.000.000
Tạm ứng cho các đối tượng ngoài Công ty	623.919.530	618.407.767
Các khoản phải thu khác	72.619.157	123.432.500
Cộng	3.581.485.380	3.262.965.311

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi UBND thị xã Sơn La	657.863.763	657.863.763
Công ty TNHH Thương Mại Đại Thiên Sơn	491.729.250	491.729.250
Công ty CP Xây dựng Vận tải Ô tô số 9	57.513.409	57.513.409
Các đối tượng khác	636.940.685	636.940.685
Cộng	1.844.047.107	1.844.047.107

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.554.865.147	1.417.137.646
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	145.389.741.756	135.615.550.516
Cộng	146.944.606.903	137.032.688.162

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là giá trị còn lại của tài sản cố định mà nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 chuyển sang phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	2.805.597.670	2.348.908.959
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	353.238.520	353.238.520
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.016.739	-
Cộng	3.159.852.929	2.702.147.479

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.814.660.275	92.036.311.668	27.192.005.676	1.236.474.131	326.839.826	123.606.291.576
Tăng trong kỳ do phân loại lại	-	36.517.499	-	-	-	36.517.499
Giảm trong kỳ	-	(706.382.264)	(2.156.326.757)	(641.777.549)	-	(3.504.486.570)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(2.016.399.269)	-	-	(2.016.399.269)
<i>Giảm do phân loại lại</i>	-	-	-	(36.517.499)	-	(36.517.499)
<i>Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC</i>		(706.382.264)	(139.927.488)	(605.260.050)	-	(1.451.569.802)
Số cuối kỳ	2.814.660.275	91.366.446.903	25.035.678.919	594.696.582	326.839.826	120.138.322.505
Trong đó:						
TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng	-	58.162.160.469	11.088.058.073	594.696.582	326.839.826	70.171.754.950
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.275.300.241	77.846.536.256	21.105.381.766	1.199.956.632	326.839.826	101.754.014.721
Tăng trong kỳ	140.733.012	2.939.651.038	1.480.770.130	-	-	4.561.154.180
Giảm trong kỳ	-	(766.803.831)	(2.013.905.828)	(605.260.050)	-	(3.385.969.709)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.960.113.066)	-	-	(1.960.113.066)
<i>Giảm theo TT45/2013/TT – BTC</i>		(766.803.831)	(53.792.762)	(605.260.050)	-	(1.425.856.643)
Số cuối năm	1.416.033.253	80.019.383.463	20.572.246.068	594.696.582	326.839.826	102.929.199.192
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.539.360.034	14.189.775.412	6.086.623.910	36.517.499	-	21.852.276.855
Số cuối năm	1.398.627.022	11.347.063.440	4.463.432.851	-	-	17.209.123.313

Tài sản cố định của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 119.216.786.097 đồng và 17.209.123.313 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại Số 8 ngõ 121 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội diện tích 55,36 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 0105090147 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/1999. Nguyên giá, giá trị còn lại tài sản cố định này là 4.578.800.000 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và khu đô thị T&T – MCK ^(a)	2.500.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MCK ^(b)	4.165.644.391	4.065.644.391
Cộng	6.665.644.391	9.065.644.391

^(a) Là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Khu đô thị T&T - MCK. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104748174 ngày 14 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Khu đô thị T&T – MCK là 100 tỷ đồng, tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty Cổ phần MCO Việt Nam là 25%, Công ty Cổ phần Đầu tư CK Việt Nam là 25% và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là 50%. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, số vốn đã góp của Công ty Cổ phần MCO Việt Nam là 2.500.000.000 đồng.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901092786 ngày 16 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23 tháng 11 năm 2010, Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK là 83.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần MCO Việt Nam là 41%, Công ty Cổ phần Đầu tư CK Việt Nam là 39% và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là 20%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần MCO Việt Nam đã tạm góp vốn bằng tiền và các chi phí là 4.165.644.391 đồng.

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP MCO Nghệ An ^(a)	390.000.000	390.000.000
Công ty CP Doanh nghiệp trẻ Việt Nam ^(b)	1.920.000.000	1.920.000.000
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông CK ^(c)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.310.000.000	3.310.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 17 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp thì Công ty Cổ phần MCO Việt Nam phải góp vào Công ty Cổ phần MCO Nghệ An số tiền 1.500.000.000 đồng tương ứng với 30% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần MCO Việt Nam đã góp vốn bằng tài sản cố định là xe ô tô Kia Sorento (29Z-1706) theo giá trị góp vốn là 360.000.000 đồng và góp bằng tiền mặt 30.000.000 đồng.

^(b) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Quán Bàu - TP Vinh (tỉnh Nghệ An) cùng với Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An và Công ty Cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

phần Tân Bình. Theo đó, phía Công ty góp vốn theo tỷ lệ 30% trên tổng vốn đầu tư (dự kiến tổng vốn đầu tư là 50 tỷ đồng) và chuyển vốn góp cho Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An. Các bên thành lập Ban quản lý dự án chung do các bên cùng cử người đại diện tham gia vào dự án, phía Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An chịu trách nhiệm làm đại diện pháp nhân cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. Khi toàn bộ quá trình thực hiện dự án được hoàn thành, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp của các bên sẽ tiến hành phân chia kết quả đầu tư bằng lợi nhuận thu được khi bán các sản phẩm xây dựng đã hoàn thành là các căn hộ, nền đất, khi không bán được các bên thống nhất sẽ phân chia kết quả đầu tư bằng sản phẩm. Mỗi bên sở hữu lợi nhuận hoặc sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp của mình. Số đã đầu tư đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.920.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông CK với số cổ phần nắm giữ là 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị đã đầu tư là 1.000.000.000 đồng.

13. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.360.575.354	58.951.594.313
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa ^(a)	3.194.106.163	8.191.815.898
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(b)	16.012.853.962	16.540.876.081
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	20.554.194.525	24.598.736.587
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- Chi nhánh Láng Hạ ^(d)	9.599.420.704	9.620.165.747
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	13.461.285.277	15.907.285.277
Vay dài hạn đến hạn trả	12.960.581.300	13.110.581.300
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa ^(e)	7.853.594.300	8.003.594.300
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội ^(f)	5.106.987.000	5.106.987.000
Cộng	75.782.441.931	87.969.460.890

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Bản ghi nhớ về giới hạn tín dụng ngày 23/7/2011 với hạn mức tín dụng là 61 tỷ đồng, lãi suất vay vốn linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.

(b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng hạn mức tín dụng cho nhiều công trình khác nhau để bổ sung vốn kinh doanh lưu động cho Văn phòng Công ty.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 11L0206/2010/HDHM - PN/SHBHN ngày 28/6/2011 với hạn mức vay là 25 tỷ đồng, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

^(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1700/LAV/2011 ngày 08/3/2011 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trụ sở Văn phòng Công ty tại số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, thành phố Hà Nội.

^(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 13/TDH13/MCO/2009 ngày 25/08/2009, thời hạn vay 60 tháng, mục đích để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong dự án đầu tư thiết bị thi công số 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

^(f) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng tín dụng theo từng công trình dự án của Công ty. Mục đích để đầu tư thiết bị thi công cho các công trình. Thời hạn vay trong khoảng 4 đến 5 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	26.123.026.600	22.799.313.425
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	26.300.476.830	25.652.526.130
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp tư nhân	746.061.511	1.003.970.463
Nhóm đối tượng khác	8.164.489.200	11.666.143.481
Cộng	<u>61.334.054.141</u>	<u>61.121.953.499</u>

16. Người mua trả tiền trước

Là các khoản trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	17.415.584.512	17.248.604.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.009.138.936	1.985.490.790
Thuế thu nhập cá nhân	250.844.730	240.219.096
Cộng	<u>19.675.568.178</u>	<u>19.474.314.061</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) hạch toán độc lập, thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.098.532.233	2.098.532.233
Trích trước giá vốn các công trình đã ghi nhận doanh thu	7.287.768.838	7.287.768.838
Cộng	<u>9.386.301.071</u>	<u>9.386.301.071</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	588.142.671	600.642.671
Bảo hiểm xã hội	1.605.089.209	1.461.597.783
Phải trả về cổ phần hóa	395.738.159	395.738.159
Kinh phí đào tạo cổ phần hóa	200.000.000	200.000.000
Phải trả các cá nhân tiền vay không tính lãi	9.844.072.223	9.215.222.223
Phải trả phí quản lý Tổng Công ty		
Xây dựng Đường Thủy	271.412.030	271.412.030
Phải trả, phải nộp khác	3.086.106.297	3.940.196.198
Cộng	15.990.560.589	16.084.809.064

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các cá nhân	3.600.000.000	3.600.000.000
Ông Nguyễn Tài Thạch	2.100.000.000	2.100.000.000
Bà Lê Thị Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	3.600.000.000	3.600.000.000

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	5.957.660.406	50.489.886.792
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	814.147.463	814.147.463
Số dư cuối năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	6.771.807.869	51.304.034.255
Số dư đầu năm nay	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	6.771.807.869	51.304.034.255
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	51.240.762	51.240.762
Số dư cuối kỳ này	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	6.823.048.631	51.355.275.017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	4.706.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	36.332.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	149.852.000
Cộng	41.189.142.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	10,807,491,020	25.180.713.297
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>		3.125.354.654
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	504,545,455	3.019.173.076
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	10,302,945,565	19.036.185.567
Doanh thu thuần	10,807,491,020	37.153.533.297

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	2.601.272.946
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		134.796.537
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	7,481,448,077	18.199.070.578
Cộng	7,481,448,077	20.935.140.061

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1,637,455	2.986.329.795
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Doanh thu tài chính khác	-	31.485.364.254
Cộng	1,637,455	34.471.694.049

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2,306,220,261	5.900.369.045
Cộng	2,306,220,261	6.333.820.687

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	561,704,151	1.968.161.640
Chi phí vật liệu quản lý	13,710,137	25.678.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	5.691.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	185,316,017	183.520.198
Thuế, phí và lệ phí	52,360,336	-
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267,821,041	348.071.027
Chi phí bằng tiền khác	402,630,434	-
Cộng	1,483,542,116	2.531.122.721

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	227,272,727	665.858.186
Thu nhập từ tiền bảo hiểm	-	-
Thu nhập khác	8,250,000	12.303.232.687
Cộng	235,522,727	12.969.090.873

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	56,286,203	1.242.862.151
Chi phí khác	10,901,455	4.982.953.452
Cộng	67,187,658	6.225.815.603

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(317,395,056)	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Lợi nhuận của Chi nhánh âm không tính thuế TNDN phải nộp		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	129.937.675
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		427.246.558
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		427.246.558
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		4.103.929
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		104
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.103.929	4.103.929
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.103.929	4.103.929

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành viên Hội đồng quản trị	857.719.000	857.719.000
Cộng nợ phải thu	857.719.000	857.719.000
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành viên Hội đồng quản trị	3.647.000.000	3.647.000.000
Cộng nợ phải trả	3.647.000.000	3.647.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Năm nay

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương Ban điều hành	285.000.000
Cộng	285.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Các bên liên quan với Công ty là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần MCO - Phát triển Hạ tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Khu đô thị T&T – MCK	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần MCO Nghệ An	Bên nhận vốn góp
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	Cổ đông góp vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần MCO - Phát triển hạ tầng		
Các khoản chi phí chi hộ	130.176.000	130.176.000

Công ty Cổ phần MCO Nghệ An

Tiền thuê máy ủi	242.500.000	242.500.000
Cộng nợ phải thu	372.676.000	372.676.000

Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy

Phải trả các khoản chi phí cho		
Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	271.412.030	271.412.030
Cộng nợ phải trả	271.412.030	271.412.030

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây dựng.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.783.227.449	504.545.455	19.287.772.904
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.783.227.449	504.545.455	19.287.772.904
Chi phí bộ phận	(14.162.710.073)	-	(14.162.710.073)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.620.517.376	504.545.455	5.125.062.831
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.199.531.782)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.925.531.049
Doanh thu hoạt động tài chính			2.176.443
Chi phí tài chính			(3.498.238.198)
Thu nhập khác			738.607.272
Chi phí khác			(93.187.658)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(23.648.146)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			51.240.762
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.561.154.180	-	4.561.154.180

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	266.549.932.812	7.159.928.053	273.709.860.865
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản			273.709.860.865
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	216.538.051.391	5.816.534.457	222.354.585.848
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			222.354.585.848
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	209.535.608.778	70.288.257.592	279.823.866.370
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản			279.823.866.370
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	171.118.506.656	57.401.325.459	228.519.832.115
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			228.519.832.115

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.068.612.198	2.352.454.907	9.068.612.198	2.352.454.907
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000
Phải thu khách hàng	45.469.295.997	61.310.490.262	45.469.295.997	61.310.490.262
Các khoản phải thu khác	6.756.338.309	5.980.112.790	6.756.338.309	5.980.112.790
Cộng	64.604.246.504	72.953.057.959	64.604.246.504	72.953.057.959
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	79.382.441.931	91.569.460.890	79.382.441.931	91.569.460.890
Phải trả người bán	61.334.054.141	61.121.953.499	61.334.054.141	61.121.953.499
Các khoản phải trả khác	26.009.389.168	29.389.190.747	26.009.389.168	29.389.190.747
Cộng	166.725.885.240	182.080.605.136	166.725.885.240	182.080.605.136

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	75.782.441.931	-	3.600.000.000	79.382.441.931
Phải trả cho người bán	61.334.054.141	-	-	61.334.054.141
Các khoản phải trả khác	26.009.389.168	-	-	26.009.389.168
Cộng	163.125.885.240	-	3.600.000.000	166.725.885.240
Số đầu năm				
Vay và nợ	87.969.460.890	-	3.600.000.000	91.569.460.890
Phải trả cho người bán	61.121.953.499	-	-	61.121.953.499
Các khoản phải trả khác	29.389.190.747	-	-	29.389.190.747
Cộng	178.480.605.136	-	3.600.000.000	182.080.605.136

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8 và V.9). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.398.627.022	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng
Máy móc và thiết bị	11.347.063.440	
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	4.463.432.851	
Quyền sử dụng đất	4.578.800.000	
Cộng	21.787.923.313	

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là đồng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Những thông tin khác

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt.

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Nam

Nguyễn Quốc Hương